

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 339/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 11 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
bổ sung dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn
bản Sin Chải - xã Sùng phải - thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

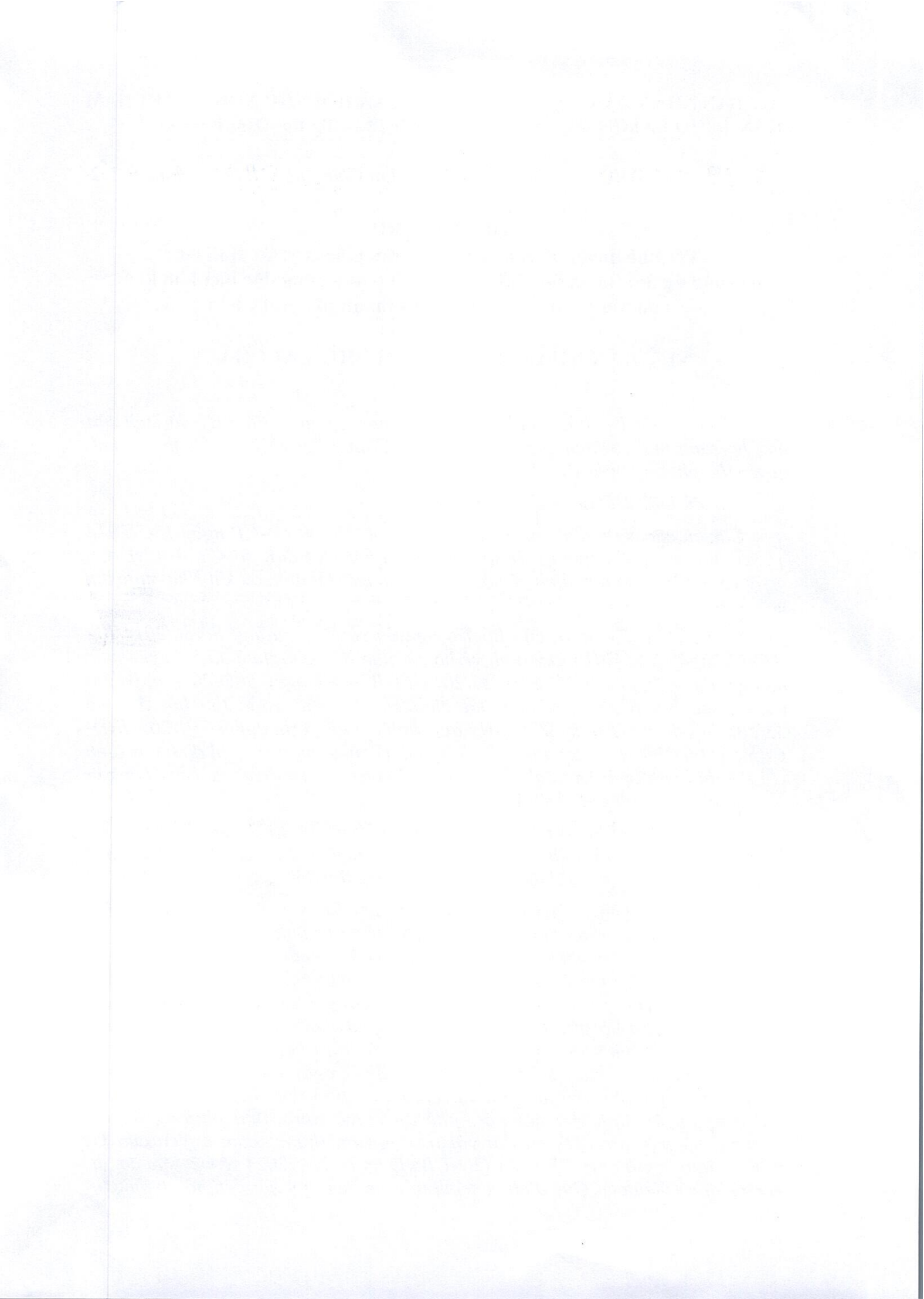
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ



trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu; số 21/2023/QĐ-UBND ngày 4/10/2023 về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Công văn số 802/SXD-QHKT&NO ngày 21/07/2022 của Sở Xây dựng về việc giới thiệu vị trí, phạm vi ranh giới, cung cấp thông tin quy hoạch khu đất dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phài - thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 22/07/2022 UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phài - thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phài - thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phài - thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của UBND thành phố Lai Châu về ban hành đơn giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024;

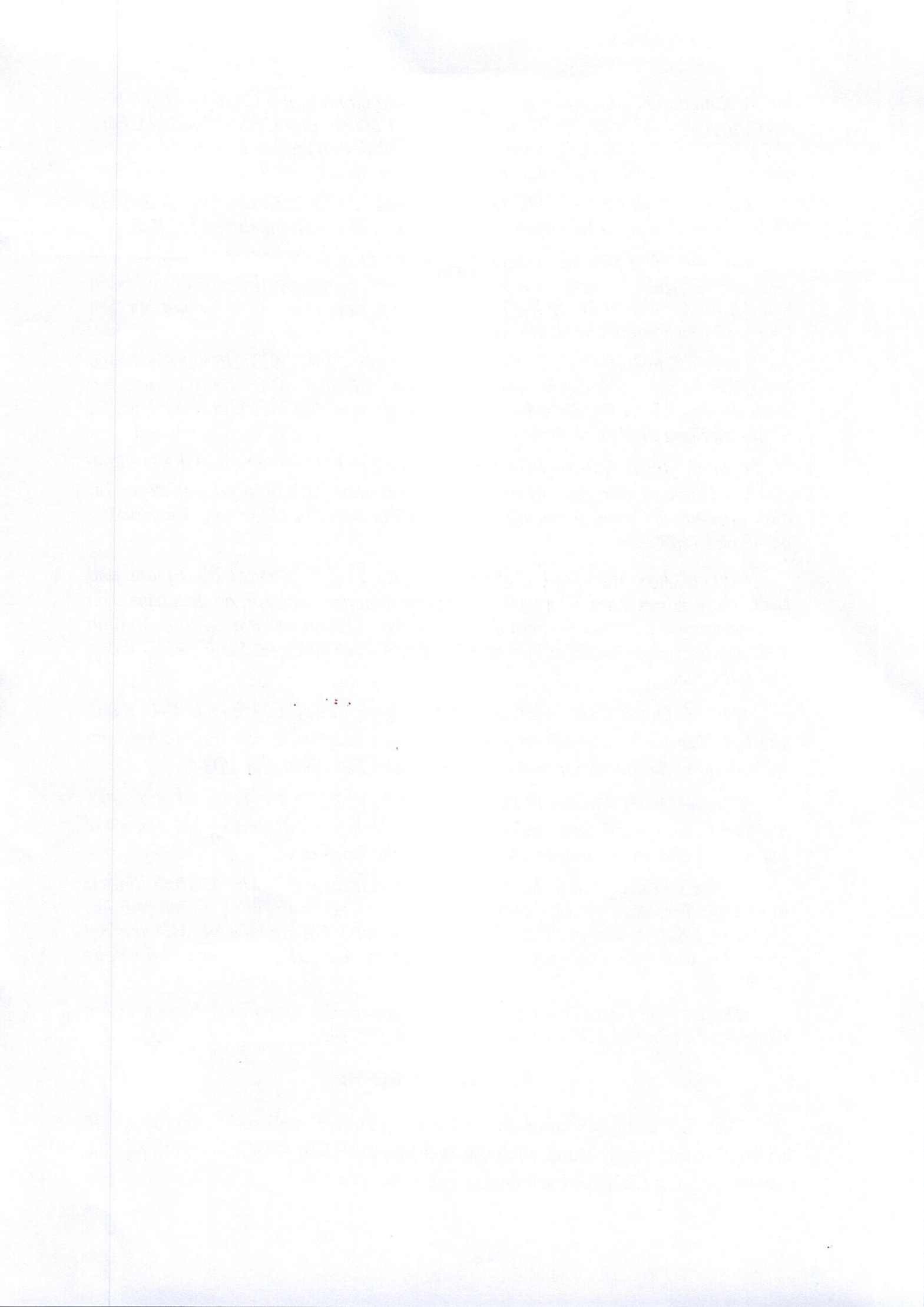
Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu.

Căn cứ Bản đồ trích đo địa chính khu đất dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phài - thành phố Lai Châu do Công ty Cổ phần ứng dụng công nghệ Tài nguyên và Môi trường thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu xác nhận ngày 12/6/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 173/TTr-TNMT ngày 29/3/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phài - thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:



1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **189.073.942 đồng**.

(*Bằng chữ: Một trăm tám mươi chín triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng*).

Trong đó:

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| - Chi trả cho chủ sở hữu: | 189.073.942 đồng |
| + Về cây cối, hoa màu: | 189.073.942 đồng |

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Hữu Cam

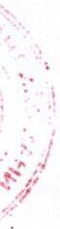


PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG

Dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 339 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	2	3	4,0	5	6=4*5	
A	TỔNG CỘNG				189.073.942	
I	Chi trả cho chủ sở hữu				189.073.942	
3	Hoa màu				189.073.942	
B	Chi tiết cho các hộ dân/tổ chức				189.073.942	
1	Hộ gia đình: Chèo Cáo Mềnh					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng phài- xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)				86.334.968	
a	Về cây cối hoa màu				86.334.968	
1	108 Cây lấy gỗ D10, H7 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	cây	108	40.224	4.344.192	
2	77 Cây lấy gỗ D20, H12 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	cây	77	44.347	3.414.719	
3	1 Cây lấy gỗ D48, H17 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	1,537	1.350.000	2.075.414	
4	1 Cây lấy gỗ D45, H15 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	1,192	1.350.000	1.609.495	
5	5 Cây lấy gỗ D50, H21 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	10,303	1.350.000	13.909.219	
6	11 Cây lấy gỗ D40, H16 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	11,053	1.350.000	14.921.280	
7	29 Cây lấy gỗ D30, H14 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	14,342	1.350.000	19.361.633	
8	1 Cây lấy gỗ D60, H21 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	2,967	1.350.000	4.005.855	
9	2 Cây lấy gỗ D80, H22 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	11,053	1.350.000	14.921.280	
10	Cây Sa Nhân (đã cho thu hoạch)	m ²	20	30.000	600.000	
11	7 Cây chuối có buồng (20kg/buồng)	Kg	140,0	6.000	840.000	
12	Cây chuối H>1,2m	cây	15	24.393	365.895	
13	Cây chanh R 1-2m	cây	2	225.543	451.086	



STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
14	Cây ổi R 1-2m	cây	3	413.072	1.239.216	
15	Cây xoài R 1-2m	cây	1	410.324	410.324	
16	Cây mận R 1-2m	cây	5	413.072	2.065.360	
17	Hàng rào cây sống	m	250	7.200	1.800.000	
2	Hộ gia đình: Chèo Cáo Lụa					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)				5.093.268	
a	Về cây cối hoa màu				5.093.268	
1	1 Cây lấy gỗ D30, H8 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	0,283	1.350.000	381.510	
2	Cây bưởi R 1-2	Cây	1	362.709	362.709	
3	Cây tre D>10cm	Cây	50	48.000	2.400.000	
4	Cây cam R 1-2m	Cây	1	362.709	362.709	
5	Cây nhãn R 2-4m	Cây	1	655.634	655.634	
6	Cây đào R 2-4m	Cây	1	485.072	485.072	
7	Cây nhãn R 1-2m	Cây	1	445.634	445.634	
3	Hộ gia đình: Chèo Khế Chiêm					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)				7.804.744	
a	Về cây cối hoa màu				7.804.744	
1	Cây đu đủ (đã cho thu hoạch)	Cây	4	145.412	581.648	
2	Cây chanh R 1-2m	Cây	3	225.543	676.629	
3	Cây chanh trồng hạt năm thứ 4	Cây	3	193.568	580.704	
4	Cây đào R 1-2m	Cây	3	413.072	1.239.216	
5	Cây đào trồng năm thứ 4	Cây	1	193.568	193.568	
6	Cây ổi R 1-2m	Cây	1	413.072	413.072	
7	Cây bưởi R 1-2m	Cây	2	362.709	725.418	
8	Cây chuối H>1,2m	Cây	4	24.393	97.572	
9	Rau màu gói vụn	m ²	5,0	10.000	50.000	
10	2 Cây lấy gỗ D30, H8 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	0,6	1.350.000	763.020	
11	1 Cây lấy gỗ D50, H12 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	1,2	1.350.000	1.589.625	



STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
12	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4	Cây	4	193.568	774.272	
13	Hàng rào cọc tre	m	20	6.000	120.000	
4	Hộ gia đình ông: Chéo Sĩ Chiêm					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)				15.793.835	
a	Về cây cối hoa màu				15.793.835	
1	102 Cây lấy gỗ D=20 cm; h=7 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	Cây	102	44.347	4.523.394	
2	3 Cây lấy gỗ D50,H13 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	3,827	1.350.000	5.166.281	
3	6 Cây lấy gỗ D40,H12 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	4,522	1.350.000	6.104.160	
5	Hộ gia đình: Hoàng Sử Liêm					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)				1.108.675	
a	Về cây cối hoa màu				1.108.675	
1	25 Cây lấy gỗ D=20 cm; h=6 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	cây	25,000	44.347	1.108.675	
6	Hộ gia đình: Phàn San Nhân					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)				14.020.513	
a	Về cây cối hoa màu (a1+a2)				14.020.513	
a1	Cây cối hoa màu của ông Phàn San Nhân					
1	Cây ổi R 1-2m	Cây	2	413.072	826.144	
2	Cây lấy gỗ trồng trên 4 năm đến dưới 5 năm (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	Cây	6	36.484	218.904	
3	24 Cây lấy gỗ D = 8 cm, h = 7 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	Cây	24	38.308	919.392	
4	19 Cây lấy gỗ D=18 cm; h=12 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	Cây	19	42.235	802.465	
5	3 Cây lấy gỗ D40, H12 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	2,261	1.350.000	3.052.080	
6	4 Cây lấy gỗ D30, H7 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	0,989	1.350.000	1.335.285	
7	Cây me tròn R 2-4	Cây	13	367.154	4.773.002	
8	Cây bưởi 1-2m	Cây	1	362.709	362.709	

Handwritten text in the left margin, possibly a page number or reference.

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
9	7 Cây lấy gỗ D = 10 cm, h = 7 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	cây	7	40.224	281.568	
10	Cây lát trồng trên 4 năm đến dưới 5 năm	Cây	2	61.077	122.154	
11	Cây ổi trồng năm thứ 3	Cây	2	134.794	269.588	
12	Cây bưởi R 2-4	Cây	2	500.709	1.001.418	
a2	Cây cối hoa màu của bà Phan Xuân Mỷ nằm trên đất ông Phan San Nhân					
1	Cây xoài trồng hạt năm thứ nhất	Cây	1	55.804	55.804	
7	Hộ gia đình: Phan Chin Heng					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)				9.973.544	
a	Về cây cối hoa màu				9.973.544	
1	82 Cây lấy gỗ D = 10 cm, h = 7 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	cây	82	40.224	3.298.368	
2	3 Cây lấy gỗ D50,H12 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	3,533	1.350.000	4.768.875	
3	2 Cây lấy gỗ D40,H8 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	1,005	1.350.000	1.356.480	
4	1 Cây lấy gỗ D30,H7 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	0,247	1.350.000	333.821	
5	Cây mắc khén (tính theo đơn giá cây dược liệu đã cho thu hoạch)	m ²	4	54.000	216.000	
8	Hộ gia đình: Phan Duẩn Chin					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a)				48.722.660	
a	Về cây cối hoa màu				48.722.660	
1	30 Cây lấy gỗ D = 10 cm, h = 7 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	Cây	30,000	40.224	1.206.720	
2	70 Cây lấy gỗ D=20 cm; h=8 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	cây	20,000	44.347	886.940	
3	50 Cây lấy gỗ D40, H11 (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	m ³	34,5	1.350.000	46.629.000	
9	Hộ gia đình: Tân San Hin					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				221.735	
c	Về cây cối hoa màu				221.735	
1	5 Cây lấy gỗ D=20 cm; h=7 m (tính bằng cây lấy gỗ nhóm VI)	cây	5,000	44.347	221.735	

